KHOA KẾ TOÁN VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

A1. NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH (ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU)  
Mã số: 8 34 01 01

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA

1.1. Mục tiêu đào tạo

1.1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh định hướng nghiên cứu có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, có kiến thức và kỹ năng chuyên môn sâu về quản trị kinh doanh; có kĩ năng tốt về thực hành; Có tư duy nghiên cứu độc lập, sáng tạo; Có năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu của công việc; Có khả năng làm việc tập thể, quản lý và huy động các nguồn lực; Đáp ứng được yêu cầu cho mọi thành phần kinh tế, các cơ quan quản lý nhà nước, các cơ quan nghiên cứu và các tổ chức có liên quan.

1.1.2. Mục tiêu cụ thể

Học viên sau khi tốt nghiệp thạc sĩ Quản trị kinh doanh định hướng ngiên cứu sẽ:

Có phẩm chất chính trị đúng đắn, có đạo đức nghề nghiệp tốt, trung thực và yêu nghề, năng động, sáng tạo;

Có kiến thức chuyên môn sâu, cập nhật các vấn đề hiện đại trong công tác quản trị;   
có trình độ giao tiếp cộng đồng và năng lực lãnh đạo; sử dụng thành thạo công nghệ mới   
trong công tác; vận dụng các kiến thức được học vào lĩnh vực kinh tế, quản trị và nghiên cứu thị trường;

Có năng lực để tiếp tục nâng cao, tham gia học tập ở bậc học cao hơn; thực hiện các nghiên cứu khoa học;

Có thể trở thành cán bộ giảng dạy, nghiên cứu, chuyên viên có trình độ cao, làm việc ở các trường đại học, các cơ quan nghiên cứu, tổ chức doanh nghiệp trong mọi thành phần   
kinh tế.

1.2. Chuẩn đầu ra

Hoàn thành chương trình đào tạo, người học có kiến thức, kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

1.2.1. Về kiến thức

*Kiến thức chung:*

Mô tả được hệ thống tri thức khoa học về Triết học, rèn luyện thế giới quan, phương pháp luận triết học cho người học, cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam. Áp dụng được các tri thức Triết học vào thực tiễn đời sống.

*Kiến thức chuyên môn:*

- Phân tích được những kiến thức chuyên sâu về quản trị, marketing, tài chính, kế toán, kiểm toán trong các tổ chức và doanh nghiệp.

- Vận dụng được những kiến thức nâng cao về quản trị doanh nghiệp, quản trị nhân sự, sản xuất, marketing, tài chính, thị trường giá cả để giải quyết các tình huống cụ thể trong tổ chức, doanh nghiệp và trong nghiên cứu.

- Vận dụng được kiến thức nâng cao về quản lý, Pháp luật và bảo vệ môi trường liên quan đến ngành học trong việc hoạch định, tổ chức thực hiện, điều hành, lãnh đạo và kiểm tra giám sát các hoạt động của doanh nghiệp.

1.2.2. Về kỹ năng

*Kỹ năng chuyên môn:*

- Lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, điều hành, kiểm tra và giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh trong đơn vị;

- Phân tích vấn đề, ra quyết định, giải quyết tính huống trong kinh doanh; Tổng hợp, khai thác hiệu quả dữ liệu và thông tin thị trường phục vụ cho công việc kinh doanh và quản trị kinh doanh;

- Thực hiện linh hoạt kỹ năng làm việc nhóm, chủ động trao đổi, thuyết trình vấn đề, độc lập học tập nghiên cứu và làm việc;

- Ứng dụng thành thạo công nghệ thông tin để thu thập, xử lý thông tin trong quản trị.

*Kỹ năng ngoại ngữ:*

- Trình độ tiếng Anh tối thiểu đạt B1 theo khung tham chiếu chung châu Âu;

- Có khả năng đọc, hiểu được nội dung cơ bản của các chủ đề liên quan đến quản trị.

1.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có năng lực tự chủ trong công việc được giao; có thái độ hợp tác tốt với đồng nghiệp;

- Tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp;

- Trau dồi phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và tác phong làm việc chuyên nghiệp, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau;

- Có ý thức tự bồi dưỡng nâng cao kiến thức chuyên ngành và liên ngành suốt đời.

2. ĐỐI TƯỢNG ĐÀO TẠO VÀ NGUỒN TUYỂN SINH

2.1. Đối tượng đào tạo

Đối tượng đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh tập trung hướng tới nhu cầu phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh. Đó là các nhân viên tham gia công tác quản trị doanh nghiệp, các chuyên gia quản trị, các cán bộ giảng dạy và nghiên cứu phù hợp chuyên môn trong các trường đại học, cao đẳng, trung học, các đối tượng công tác trong các cơ quan, tổ chức của mọi thành phần kinh tế có nhu cầu sử dụng kiến thức quản lý kinh tế và quản trị kinh doanh.

2.2. Nguồn tuyển sinh

2.2.1. Ngành đúng và ngành phù hợp

Quản trị kinh doanh, Marketing, Ngoại thương, Thương mại quốc tế, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Kinh doanh thương mại và dịch vụ, Kinh doanh dịch vụ, Kế toán doanh nghiệp, Quản trị kinh doanh quốc tế, Quản trị kinh doanh thương mại, Quản trị doanh nghiệp, Quản trị kinh doanh tổng hợp, Quản trị chất lượng, Quản trị marketing, Quản trị bán hàng, Truyền thông marketing, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống, Kinh doanh bất động sản, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quản lý kinh tế, Quản lý kinh doanh, Quản lý thị trường, Quản lý lao động, Quản lý nguồn nhân lực, Quản lý công nghiệp, Kinh doanh nông nghiệp, Quản lý tài nguyên rừng, Quản lý nguồn lợi thủy sản, Quản lý bệnh viện, Quản lý tài nguyên và môi trường, Quản lý du lịch, Kinh doanh du lịch, Bảo hiểm, Kinh doanh bảo hiểm, Thương mại, Quản lý kinh tế các ngành sản xuất và dịch vụ.

2.2.2. Ngành gần: chia thành 3 nhóm

*Nhóm I*: Tài chính - Ngân hàng, Ngân hàng, Kế toán, Kiểm toán, Kế toán - Kiểm toán, Tài chính - tín dụng, Quản lý nhà nước, Kinh tế bất động sản và địa chính, Khoa học quản lý, Quản lý môi trường và du lịch sinh thái, Kinh tế kế hoạch và đầu tư, Kinh tế lao động và quản lý nguồn lực, Kinh tế thẩm định giá, Tài chính doanh nghiệp, Tài chính công, Tài chính quốc tế, Tài chính nhà nước, Thị trường chứng khoán, Kế toán tổng hợp, Kinh tế, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Kinh tế đầu tư, Kinh tế nông nghiệp, Kinh tế nông lâm ngư, Kinh tế các ngành sản xuất và dịch vụ, Kinh tế thủy sản, Kinh tế xây dựng, Kinh tế giao thông, Kinh tế bưu chính viễn thông, Kinh tế vận tải, Kinh tế bảo hiểm, Kinh tế chính trị, Phát triển nông thôn, Quản lý nhà nước, Quản lý khoa học công nghệ, Luật kinh tế, Quản lý xây dựng, Quản lý đất đai, Quản lý tài nguyên thiên nhiên, Kinh tế tài nguyên thiên nhiên.

*Nhóm II:* Hệ thống thông tin kinh tế và quản lý, Tin học quản lý, Hành chính học, Luật, Luật quốc tế, Quản lý đô thị, Quản lý giáo dục, Khuyến nông, Công nghệ thực phẩm, Công nghệ sau thu hoạch, Công nghệ chế biến thủy sản, Công nghệ chế biến nông sản, Bảo quản chế biến nông sản, Chăn nuôi, Nông học, Khoa học cây trồng, Bảo vệ thực vật, Công nghệ rau quả và cảnh quan, Lâm nghiệp, Lâm nghiệp đô thị, Lâm sinh, Thủy sản, Nuôi trồng thủy sản, Thú y, Dịch vụ xã hội, Công tác xã hội, Kinh tế gia đình, Bất động sản.

*Nhóm III:* Xã hội học, Chính trị học, Quan hệ quốc tế, Địa lý học, Quan hệ công chúng, Báo chí, Công tác tổ chức, Công nghệ sinh học, Sinh học ứng dụng, Khoa học môi trường, Khoa học đất, Thống kê, Toán ứng dụng, Hệ thống thông tin, Công nghệ thông tin, Công thôn, Điện, Công nghệ kỹ thuật điện, Điện khí hóa mỏ, Thủy nông, Quy hoạch vùng và đô thị, Quy hoạch đô thị, Xây dựng, Xây dựng cầu đường, Kiến trúc công trình, Kiến trúc hạ tầng đô thị, Công trình, Xây dựng công trình, Xây dựng dân dụng và công nghiệp, Công nghiệp chế tạo máy, Cơ khí chế tạo máy, Điện - điện tử, Điện tử - viễn thông, Thiết kế máy, Quản lý nhà nước về an ninh trật tự, Quản lý văn hóa, Kinh doanh xuất bản phẩm, Ngoại ngữ, Tiếng Anh.

**Các học phần bổ túc kiến thức gồm:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên học phần** | **Số tín chỉ** | **Nhóm 1** | **Nhóm 2** | **Nhóm 3** |
| 1 | Thị trường giá cả | 3 | x | x | x |
| 2 | Quản trị tài chính | 3 | x |  | x |
| 3 | Quản trị doanh nghiệp | 3 |  | x | x |
| 4 | Tài chính tiền tệ | 3 |  | x | x |
| 5 | Nguyên lý kế toán | 3 |  | x |  |
| 6 | Quản trị học | 3 |  |  | x |
| 7 | Marketing căn bản | 3 |  |  | x |

2.3. Các môn thi tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

2.3.1. Các môn thi tuyển sinh

Nguyên lý quản trị, Nguyên lý kinh doanh, tiếng Anh.

2.3.2. Điều kiện tốt nghiệp

Theo Quy chế đào tạo thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy định hiện hành về đào tạo trình độ thạc sĩ của Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

3. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Khối lượng kiến thức tối thiểu và thời gian đào tạo theo thiết kế

Tổng số 60 tín chỉ, thời gian đào tạo: 1,5 - 2 năm.

3.2. Cấu trúc chương trình đào tạo

| **TT** | **Mã HP** | **Tên học phần** | **Số TC** |
| --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Học phần bắt buộc** | | **30** |
| 1 | ML06002 | Triết học | 4 |
| 2 | SN06003 | Tiếng Anh | 2 |
| 3 | KQ06004 | Nguyên lý quản trị | 2 |
| 4 | KQ06005 | Phương pháp nghiên cứu khoa học trong QTKD nâng cao | 2 |
| 5 | KQ06006 | Thị trường giá cả nâng cao | 2 |
| 6 | KQ06007 | Quản trị tài chính nâng cao | 2 |
| 7 | KQ06022 | Thông tin kế toán tài chính | 2 |
| 8 | KQ06009 | Thị trường tài chính và định giá | 2 |
| 9 | KQ06010 | Quản trị chuỗi cung ứng | 2 |
| 10 | KQ06011 | Kế toán cho công tác quản lý | 2 |
| 11 | KQ07012 | Kinh doanh quốc tế nâng cao | 2 |
| 12 | KQ07014 | Hệ thống kiểm soát nội bộ nâng cao | 2 |
| 13 | KQ07016 | Quản trị marketing nâng cao | 2 |
| 14 | KQ06026 | Phương pháp kế toán cho quyết định kinh doanh | 2 |
| **II** | **Học phần tự chọn (tối thiểu 18 tín chỉ)** | | **18** |
| **Tự chọn** | | | |
| 15 | KQ07013 | Kế toán chi phí nâng cao | 2 |
| 16 | KQ07015 | Công tác lãnh đạo trong doanh nghiệp nâng cao | 2 |
| 17 | KQ07017 | Quản trị rủi ro nâng cao | 2 |
| 18 | KQ07018 | Quản trị doanh nghiệp nâng cao | 2 |
| 19 | KQ07019 | Phân tích đầu tư và quản trị danh mục đầu tư | 2 |
| 20 | KQ07020 | Phân tích tài chính | 2 |
| 21 | KQ07021 | Quản trị chiến lược nâng cao | 2 |
| 22 | KQ07023 | Kiểm toán nâng cao | 2 |
| 23 | KQ07025 | Quản trị kinh doanh nông nghiệp nâng cao | 2 |
| 24 | KQ07062 | Phân tích tình huống kinh doanh | 2 |
| 25 | KQ07063 | Quản trị nhân lực nâng cao | 2 |
| 26 | KQ07035 | Kế toán thuế nâng cao | 2 |
| 27 | KQ07029 | Nghiên cứu marketing nâng cao | 2 |
| 28 | KQ07030 | Tài chính công NC | 2 |
| 29 | KQ07031 | Quản trị chất lượng trong doanh nghiệp | 2 |
| 30 | KQ07032 | Hành vi của tổ chức và người tiêu dung | 2 |
| 31 | KQ07033 | Phát triển kỹ năng xây dựng kế hoạch kinh doanh | 2 |
| 32 | KQ07034 | Nguyên lý kế toán nâng cao | 2 |
| 33 | KT07096 | Quản lý thông tin kinh tế | 2 |
| 34 | KT07061 | Phương pháp nghiên cứu định tính | 2 |
| 35 | KT07074 | Quản lý tài nguyên và môi trường nâng cao | 3 |
| **Tự chọn khác** | | | |
| 36 | CN06021 | Phát triển chăn nuôi bền vững | 2 |
| 37 | KQ07067 | Kỹ năng lãnh đạo tổ chức | 2 |
| 38 | MT06020 | Biến đổi khí hậu và môi trường | 3 |
| 39 | MT07050 | Quản lý môi trường tổng hợp | 2 |
| 40 | TH07005 | Hệ thống thông tin quản lý | 3 |
| 41 | CP07046 | Hệ thống QLCL NSTP | 2 |
| 42 | CD07047 | Kinh tế và quản lý điện năng | 2 |
| 43 | QL07033 | Quy hoạch sản xuất nông nghiệp | 2 |
| 44 | TY06006 | Vệ sinh thú y | 2 |
| 45 | TS07041 | Hệ thống nuôi trồng thủy sản | 2 |
| 46 | CN06021 | Phát triển chăn nuôi bền vững | 2 |
| **III** | **Luận văn tốt nghiệp** | | **12** |
| 47 | KQ07997 | Luận văn thạc sĩ | 12 |
|  |  | **Tổng** | **60** |